TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS -ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2022.
"V/v tranh chấp hợp đồng
Mua bán; hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phạm Văn Ký

2. Bà: Trần Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân: Bà Giang Thị Quỳnh Loan, kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại phòng xét xử. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021, tranh chấp về "hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST – DS ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1971, địa chỉ xóm 1, xã Y M, huyện Y M, tỉnh N B, có mặt

2. Bị đơn: Anh Mai Văn Ng, sinh năm 1987, địa chỉ xóm 2, Q C, xã Y Th, huyện Y M, tỉnh N B, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1991, địa chỉ xóm 2, Q C, xã Y Th, huyện Y M, tỉnh N B, vắng mặt.

Người làm chứng:

+ Anh Vũ Thái H, sinh năm 1990, địa chỉ khu Phú Thịnh, thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1969, địa chỉ xóm 1, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2021, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị H trình bày: Chị làm nghề đi mua vịt của các hộ chăn nuôi trên địa bàn các xã trong huyện để đổ cho các mối hàng, biết Ng là người chăn nuôi vịt tại xã Yên Thái. Vào khoảng tháng 9 năm 2017 anh Ng có đặt vấn đề nhờ chị đến cửa hàng bán thức ăn gia cầm của anh Vũ Thái H có địa chỉ tại khu phố Phú Thịnh, thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô để mua cám chịu, khi tới cửa hàng kinh doanh thức ăn chăn nuôi của anh H, thì anh H nói nếu chị đứng ra mua chịu thì anh H mới bán, còn không bán chịu cho anh Ng. Do chỗ quen biết hay bắt vịt của anh Ng nên chị đã đứng ra mua chịu cám của anh H cho anh Ng.

Vào ngày 16/10/2017 âm lịch anh Ng có đặt vấn đề vay tiền, để làm tin chị đã yêu cầu anh Ng viết giấy cam kết mới cho vay, do đó anh Ng viết giấy với nội dung " Hôm nay ngày 16/10/2017 âm lịch, cháu là Mai Văn Ng Tổng nợ cô H 30.000.000đ cộng với tiền cám tiền giống, Bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn, cộng với cô H chở cho cháu 100 bao cám x 310 nghìn đồng một bao cháu hứa đến ngày 10/11/2017 (âm lịch) ….. chịu trách nhiệm trước pháp luật" ký Ng, Mai Văn Ng.

Sau đó đến ngày 20/10/2017 chị tiếp tục đứng ra để mua chịu cám cho Ng, số cám được anh H chở vào các ngày 20/10/2017; 18/11/2017; ngày 22/11/2017; ngày 25/11/2017 và ngày 2/12/2017 giữa sổ ghi ngày chở và người chở xuống cho Ng có sai lệch về thời gian so với sổ của anh H ghi là do khi Ng điện cho chị lấy cám thì chị mới điện cho anh H để chở số lượng bao cần lấy, có buổi anh H chở luôn có buổi do hết cám ngay hôm sau mới chở nhưng số lượng không sai so với bảng kê chi tiết về số bao cám và người chở cũng như việc Nguyên đã thanh toán với chị được ghi chi tiết vào tờ kê đã nộp cho tòa án để làm căn cứ.

Nay theo giấy cam kết thì chị yêu cầu Ng phải trả cụ thể các khoản sau: Tiền vay với số tiền 33.500.000đ; tiền giống và tiền cám 42.400.000đ; tiền 100 bao cám 31.000.000đ. Tổng cộng ba khoản là 106.900.000đồng trừ đi số tiền Nguyên đã thanh toán vào ngày 09/12/2017; ngày 13/12/2017; ngày 18/12/2017 và tiền chị bắt vịt siêu ghi ngày 11/3/2020 với số tiền 16.000.000đ. (sau khi trừ đi tiền cám đã lấy từ ngày 20/10/2017 đến ngày 2/12/2017) còn lại 23.300.000 đồng để trừ vào số tiền phát sinh trong giấy cam kết chi tiết: 106.900.000 đồng – 23.300.000 đồng còn lại 83.600.000 đồng (trong đó tiền cám và mua giống 50.100.000 đồng + 33.500.000 đồng tiền vay)

Nay chị yêu cầu anh Ng phải trả số tiền đã vay và tiền mua giống cũng như mua cám là 83.600.000 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng)

+ Đối với bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, giải quyết anh Mai Văn Ng không hợp tác, không có bất cứ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Ngày 07/4/2022 anh Ng lên Tòa án và trình bày lý do của việc không hợp tác và khai: Anh nuôi vịt chị H là người mua vịt nên quen biết nhau, vào năm 2014 anh có vay chị H số tiền 30.000.000đ và lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ đầu năm 2014 đến cuối năm 2019,

mỗi tháng anh đã trả cho chị H là 1.800.000 đồng. Anh Ng xác nhận vào ngày 16/10/2017 (âm lịch) anh có viết giấy với nội dung " có vay của cô H số tiền 30.000.000 đồng, cộng với tiền mua cám và giống vịt bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn. Tổng cộng là bẩy mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng cộng với cô H chở cho cháu 100 bao cám giá 310.000 đồng/ bao, hứa 10/11/2017 âm lịch trả nợ" và ký tên vào giấy cam kết. Ngoài ra ngày 25/10/2017 anh có vay thêm 3.500.000 đồng. Sau khi viết giấy cam kết cô H đã chở đủ số cám, người chở là anh H, anh không có quan hệ với anh H, khi anh H chở xuống anh là người nhận cám, có hôm chị V vợ anh nhận, các lần anh H chở anh hoặc vợ anh đều ký vào sổ của anh H, còn thanh toán tiền anh chỉ thanh toán tiền cho chị H chứ không thanh toán tiền cho anh H. Anh cũng xác nhận đã thanh toán vào ngày 9/12/2017 số tiền 23.700.000đ; ngày 13/12/2017 số tiền 9.700.000đ; ngày 18/12/2017 số tiền 3.900.000đ và tiền bắt vịt ngày 11/3/2020 là 16.000.000đ cộng với 1 con cá măng 6kg trị giá 1.000.000đ. Đối với số tiền cám và giống vịt trong giấy cam kết anh đã thanh toán xong cho chị H rồi, rất nhiều lần chị H xuống bắt Vịt nhưng không ghi vào sổ. Nay anh xác định chỉ còn lại số tiền 30.000.000đ là do chị H cho vay lãi xuất cao nên anh chưa trả. Anh cũng không có chứng cứ nào để nộp cho Tòa về việc anh đã trả tiền cám cũng như việc chị H cho vay lãi suất cao.

+ Tại bản khai của anh Nguyễn Văn Ph là người làm chứng trình bày anh chỉ chở cám xuống cho Ng vào ngày 20/10/2017 vào buổi sáng 2 bao cám loại A38, buổi chiều chở 4 bao loại A38 bằng xe mô tô; ngày 2/12/2017 chở 3 bao loại A38 xuống cho anh Ng là người nhận. Lý do của việc chở xuống là khi chị H bảo chở thì anh chở, chỉ chở xuống còn anh Ng nhận số lượng bao còn ký sổ và tiền nong thế nào thì anh không biết do chú H, anh Ng với chị H.

+ Tại bản khai của anh Vũ Thái H là người làm chứng trình bày: Anh làm nghề kinh doanh thức ăn gia súc tại thị trấn Yên Thịnh, vào năm 2017 anh Nguyên ở xã Yên Thái có đến cửa hàng của anh đặt vấn đề mua chịu cám, nhưng anh không bán. Vào thời điểm đó có chị H, nhà ở xã Yên Mỹ thường xuyên mua cám nhà anh, chị H có đặt vấn đề mua chịu cám cho anh Ng nhưng anh không đồng ý và bảo nếu chị đứng ra mua, thì anh cho chịu. Do nhà anh kinh doanh nên những người mua hàng thường xuyên được ghi riêng theo tờ giấy vào quyển sổ, để ghi chi tiết và tiện cho việc theo dõi, tờ giấy theo dõi quá trình mua bán cám của chị H mà anh ghi đó anh xin nộp cho Tòa án. Diễn biến của việc chở cám xuống nhà anh Ng anh đã ghi chi tiết cụ thể ngày 15/10 là 30 bao loại cám A38; ngày 19/10 là 24 bao; ngày 21/10 là 30 bao đều do anh Ng nhận, sau đó ngày 25/10 chở cho anh Ng 23 bao, chị V là vợ anh Ng nhận cám. Tổng là 107 bao nhưng anh Ng đã thanh toán 7 bao lẻ còn 100 bao để chị H thanh toán; Tiếp đến ngày 18/11/2017 âm lịch chị H điện thoại đến chở cám cho Ng, nên tôi đã chở xuống cho Ng 30 bao; ngày 5/12 chú Ph chở bằng xe máy 4 bao còn lại 36 bao do anh chở bằng ô tô người nhận là anh Ng; ngày 21/12/2017 tôi chở 21 bao, còn chú Ph chở xe máy 3 bao. Đó là toàn bộ diễn biến việc bán cám cho anh Ng, tất cả số tiền cám chị H đã thanh toán cho anh, còn việc anh Ng đã thanh toán tiền cám cho chị H chưa thì anh không nắm được.

Đại diện viện kiểm sát huyện Yên Mô tham gia phiên tòa phát biểu: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và xác định tư các của những người tham gia tố tụng là đúng. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tòa án thụ lý quan hệ mua bán tài sản và quan hệ vay tài sản là đúng. Việc trong giấy cam kết do anh Ng là người viết vào ngày 16/10/2017 với nội dung: Thứ nhất là khoản tiền vay hộ số tiền 30.000.000 đồng; thứ hai tiền giống và tiền cám bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn cộng với 100 bao cám với giá 310.000 đồng/bao; ngoài ra ngày 25/10/2017 Ng còn vay thêm số tiền 3.500.000 đồng. Như vậy theo giấy cam kết tổng cộng số tiền vay là 33.500.000đ; tiền giống vịt và cám cũ 42.400.000đ cộng với 100 bao cám chị H sẽ chở sau khi viết giấy 100 bao x 310.000đ/bao là 31.000.000đ. Tổng số nợ tiền vay, tiền vay thêm và tiền nợ cám cũng như con giống là 106.900.000 đồng.

Theo anh Ng trình bày số tiền cám và tiền con giống anh đã trả hết, anh Ng chỉ còn nợ tiền vay. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh Ng và anh H nên không thể làm rõ số tiền giống và cám anh Ng đã trả cho chị H chưa. Từ cơ sở nêu trên đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để làm rõ việc anh Ng đã trả cho chị H số tiền cám chưa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại phiên hòa giải và công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh trong xã hội thường ngày về quan hệ mua bán hàng hóa và vay tài sản được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã nhiều lần yêu cầu anh Mai Văn Ng và chị V cung cấp chứng cứ chứng minh và có quan điểm đối với yêu cầu của chị H. Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Ng chị V đến Tòa án nhân dân huyện Yên Mô làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ng, chị V vắng mặt không có lý do. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh Mai Văn Ng và chị Phạm Thị V đều không đến tham gia phiên tòa. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô tiến hành xét xử vắng mặt anh Mai Văn Ng và chị Phạm Thị V là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ mua bán cám để chăn nuôi vịt thương phẩm, sau khi mua bán cám và bán vịt cho nhau anh Mai Văn Ng có viết giấy cam kết, trong giấy cam kết ghi ngày 16/10/2017 (âm lịch) có thể hiện hai nội dung: Thứ nhất là khoản tiền vay hộ số tiền 30.000.000 đồng; thứ hai tiền giống và tiền cám bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn cộng với

100 bao cám với giá 310.000 đồng/bao; ngoài ra ngày 25/10/2017 Ng còn vay thêm số tiền 3.500.000 đồng. Như vậy theo giấy cam kết tổng cộng số tiền vay là 33.500.000đ; tiền giống vịt và cám cũ 42.400.000đ cộng với 100 bao cám chị Hải sẽ chở sau khi viết giấy 100 bao x 310.000đ/bao là 31.000.000đ. Tổng số nợ tiền vay, tiền vay thêm và tiền nợ cám cũng như con giống là 106.900.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Mai Văn Ng xác định chữ viết và chữ ký trong giấy cam kết là do anh viết và anh ký tên xác nhận, nhưng anh cho rằng anh đã trả toàn bộ tiền cám và tiền giống vịt cho chị H từ việc bắt vịt trừ nợ. Nay anh xác định chỉ nợ chị H số tiền 30.000.000 đồng nhưng là tiền cho vay nặng lãi nên anh đề nghị Tòa án chuyển vụ việc sang công an giải quyết, anh Mai Văn Ng không có tài liệu nào chứng minh việc chị Trần Thị H cho vay nặng lãi để nộp cho Tòa án làm căn cứ giải quyết.

Chị Trần Thị H xác định từ khi viết giấy cam kết về việc vay tiền cũng như xác nhận còn nợ tiền giống vịt và tiền cám, anh Ng mới thanh toán cho chị được 23.300.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh Ng phải trả số tiền vay còn nợ và tiền giống cũng như tiền cám với tổng số tiền 83.600.000 đồng

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày chị không kinh doanh bán cám, nhưng do chị làm nghề đi bắt vịt để đổ cho thương lái nên chị biết anh Ng, qua làm ăn chị có đứng ra mua chịu cám của anh H, anh H chở cám xuống cho anh Ng, việc mua bán cám chị là người thanh toán trực tiếp tiền cám cho anh H, còn anh Ng chỉ nhận cám và ký nhận vào sổ của anh H, mỗi lần anh H chở cám cho anh Ng, anh Ng hoặc vợ anh Ng là chị V là người nhận cám và ký nhận vào sổ của anh H về số lượng cám và chủng loại.

Ngày 16/10/2017 âm lịch anh Ng đến đặt vấn đề vay tiền, do anh Ng còn đang nợ tiền cám và giống vịt nên chị có yêu cầu anh Ng viết giấy thì chị mới cho anh Ng vay, khi viết giấy anh Ng đặt vấn đề lấy thêm 100 bao cám với giá 310.000 đồng. Để làm căn cứ về việc vay tiền anh Ng đã viết giấy cam kết về việc vay số tiền 30.000.000 đồng cộng với số tiền còn nợ tiền cám và giống vịt 42.400.000 đồng. Tổng thành 72.400.000 đồng và dự liệu lấy thêm 100 bao cám với giá 310.000đ/ 1bao thành 31.000.000đồng ngoài ra Ngày 25/10/2017 Nguyên vay thêm 3.500.000đ. Sau khi Ng viết giấy cam kết, chị đã nói anh H chuyển đủ số lượng 100 bao cho anh Ng. Ngoài ra chị còn lấy thêm cho Ng 100 bao cám khác, số cám lấy thêm được thanh toán và chị đã ghi vào sổ các lần trả. Đến hạn thanh toán như giấy cam kết anh Ng không trả như đã thỏa thuận, sau nhiều lần đòi ngày 09/12/2017 anh Ng trả được 23.700.000đ; ngày 13/12/2017 trả số tiền 9.700.000đ; ngày 18/12/2017 trả số tiền 3.900.000đ; ngày 11/3/2020 bắt vịt trừ nợ 16.000.000đ và lấy 1 con cá 6kg trị giá 1.000.000đ. Tổng số tiền anh Ng trả phát sinh sau là 53.300.000đ trừ đi số tiền cám không nằm trong giấy cam kết là 31.000.000đ còn lại 23.300.000 đồng. Chị H đề nghị trừ số tiền đã trả 23.300.000đ vào khoản còn phải trả theo giấy cam kết 106.900.000đ – 23.300.000đ còn lại là 83.600.000đ (cụ thể tiền vay 33.500.000đ, tiền cám và giống vịt 50.100.000đ) Nay chị yêu cầu anh Mai Văn Ng có trách nhiệm phải trả cho chị số tiền đã vay

và tiền giống vịt, tiền cám, chị không yêu cầu anh Ng phải trả tiền lãi của số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vụ việc phát sinh trong đời sống dân sự, quan hệ về việc vay tài sản cũng như việc đứng ra bảo lãnh mua hộ là việc làm được biểu dương, khuyến kích. Trong quan hệ dân sự các bên luôn tôn trọng để mọi quan hệ dân sự được bảo đảm về quyền và nghĩa vụ. Sau khi chị H cho anh Ng vay tiền cũng như cho nợ về việc mua cám cũng như mua giống vịt các bên không tuân thủ như đã thỏa thuận trong giấy cam kết. Anh Ng cho rằng đã thanh toán cho chị H tiền giống và cám xong, bằng việc chị H nhiều lần xuống bắt vịt và cá, hiện anh chỉ còn nợ số tiền vay, nhưng do chị H cho vay nặng lãi nên anh đề nghị chuyển hồ sơ sang Công an giải quyết. Việc anh Ng cho rằng anh đã thanh toán xong các khoản tiền cám, tiền giống cho chị H nhưng anh không có bất cứ tài liệu nào chứng minh cho việc mình đã thanh toán xong cho chị H. Anh xác nhận còn nợ khoản tiền vay và anh cho rằng đây là khoản vay từ năm 2014 đến năm 2017 hàng tháng anh phải trả lãi 1.800.000 đồng. Đến năm 2017 anh mới viết giấy cho chị H, đối với khoản vay này, là khoản cho vay nặng lãi nên anh đề nghị chuyển hồ sơ sang Công an huyện giải quyết. Quá trình làm việc Tòa án đã giải thích đối với yêu cầu cho vay nặng lãi nếu anh có căn cứ Tòa án sẽ chuyển cho cơ quan có thẩm quyền. Anh Ng trình bày không có chứng cứ nào xuất trình cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu của anh Ng không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị H, căn cứ vào giấy cam kết cũng như lời trình bày của người làm chứng (anh Vũ Thái H) cùng với bảng kê chi tiết việc giao nhận cám giữa anh H với anh Ng, chị V. Lời khai của anh Mai Văn Ng thể hiện vào ngày 16/10/2017 (âm lịch) Mai Văn Ng có viết tờ giấy cam kết trong giấy cam kết thể hiện việc vay tiền 30.000.000đ cộng với tiền cám và giống vịt và 100 bao cám với tổng số tiền là 103.400.000đ; tiền phát sinh vay thêm ngày 25/10/2017 số tiền 3.500.000đ. Tổng các khoản 106.900.000đ chị H xác định khi anh Ng trả tiền chị đều ghi vào sổ của chị (Bút lục 05) mặc dù chị không bắt anh Ng xác nhận vào sổ về việc các lần đã trả, nhưng là người làm ăn lương thiện chị vẫn xác nhận anh Ng đã trả số tiền 23.300.000 đồng. Nay chị H yêu cầu anh Ng phải trả cho chị cụ thể: Tiền vay bằng tiền mặt số tiền 33.500.000 đồng (trong đó tiền vay lần đầu 30.000.000đ cộng với số tiền vay thêm 3.500.000đ); Tiền nợ do mua cám cũng như mua giống vịt chưa thanh toán số tiền 50.100.000đ. Tổng hai khoản là 83.600.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu của kiểm sát viên tại phiên tòa, ngừng phiên Tòa để làm rõ việc anh Ng đã thanh toán cho chị H, số tiền cám trong giấy cam kết đã thanh toán hay chưa? Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Ng không hợp tác, không làm việc, không tham gia vào buổi hòa giải cũng như việc kiểm tra chứng cứ. Do vậy việc đề nghị của Viện Kiểm sát ngừng phiên tòa để làm rõ việc anh Ng đã thanh toán tiền cám cho chị H hay chưa là không thể tiến hành được, hơn nữa với chứng cứ do anh H là người làm chứng xuất trình thì ngoài việc chở cho anh Ng 100 bao cám trong giấy cam kết, anh H còn được chị H yêu cầu chở thêm gần 100 bao cám nữa, được thể hiện trong tờ giấy mà anh H

xuất trình có chữ ký anh Ng và chị V (bút lục 59) Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định sau khi anh Ng viết giấy cam kết, chị H đã thực hiện theo thỏa thuận mua chịu của anh H cho Ng do vậy việc đề nghị của chị H buộc anh Ng phải trả số tiền còn nợ 83.600.000đ là có căn cứ nên chấp nhận. Căn cứ Điều 116; Điều 357; Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12 - 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

+ Áp dụng Điều 116; Điều 463; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

+ Áp dụng Điều 147 BLTTDS. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/ UBTVQH ngày 30-12 - 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Buộc anh Mai Văn Ng phải trả cho chị Trần Thị H có địa chỉ xóm 1, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cụ thể: Số tiền vay 33.500.000đ (Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền còn nợ do mua cám, giống vịt 50.100.000 đồng (Năm mươi triệu một trăm nghìn đồng). Tổng hai khoản 83.600.000 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2 . Về án phí:

+ Anh Mai Văn Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.180.000đ (Bốn triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)

+ Chị Trần Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền 2.212.500 đồng (Hai triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006249 ngày 10/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả phiên tòa hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Ngọc Hà